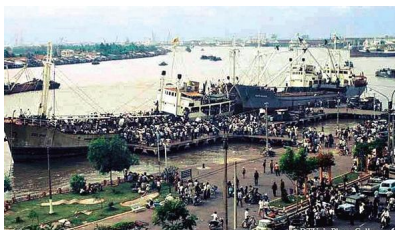


Ngày 30 tháng 4 mở ra một trang sử đau buồn của dân tộc.



1\* Mở bài.

Mỗi năm, ngày 30 tháng 4 gợi lại vết thương đau buồn và mất mát của người Việt hải ngoại, người Việt mất nước, người Việt trốn, ... người Việt chạy trốn chế độ đỏ đỏ của Cộng Sản.



2\* Chiến dịch “Gió Lốc”. (Operation Frequent Wind)

2.1. Chiến dịch Frequent Wind

Chiến dịch Gió Mè (Operation Frequent Wind) là một cuộc di tản bằng trực thăng của Hoa Kỳ và của Việt Nam Cộng Hòa, diễn ra từ ngày 29 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Có 50,493 người, trong đó có 2,548 trẻ em, rời khỏi cuộc di tản từ phi trường Tân Sơn Nhất. Các phi công đã bay tổng cộng 1,054 giờ, với 682 chuyến bay trong chiến dịch. Đã có hơn 7,000 người rời khỏi cuộc di tản bằng trực thăng từ nhiều địa điểm khác nhau ở Sài Gòn.

Chiến dịch có 4 phương án:

1. Phương án 1. Di tản bằng phi công dân sự từ phi trường Tân Sơn Nhất
2. Phương án 2. Di tản bằng phi công quân sự
3. Phương án 3. Di tản bằng tàu thuyền từ cảng Sài Gòn
4. Phương án 4. Di tản bằng trực thăng, bốc người đi đến các chiến hạm ngoài khơi.

Ngày 28-4-1975, phi trường Tân Sơn Nhất bị pháo kích và bị 5 phi công A-37 ném bom, nên di tản bằng phi công cánh cò để nhích dần, và phương án Operation Frequent Wind, di tản bằng trực thăng bắt đầu.

## 2.2. Giai đoạn chuẩn bị

Đây là một chiến dịch được chuẩn bị trước rất kỹ lưỡng.

Cố mệnh hạm đội gồm 50 chiến hạm được huy động từ nhiều tháng trước ngày 30-4-1975.

Đầu tháng 3 năm 1975, khu trục hạm USS Kirk được lệnh neo tại căn cứ San Diego, đi hướng hàng không mẫu hạm USS Hancock. Hàng không mẫu hạm Hancock được lệnh chuyển đến Hawaii, để đưa những chiến đấu cơ lên bờ và thay vào đó bằng những máy bay trực thăng vận tải của TQLC/HK, rồi trực tiếp đến Biển Đông.

Chiếc USS Kirk bắt đầu vào cuộc, với Chiến dịch Eagle Pull để di tản 300 người Mỹ rời khỏi Phnom Penh. Campuchia thất thủ ngày 17-4-1975. Sau đó, chiếc USS Kirk xuôi xuống phía nam, hướng về Singapore để cùng với khu trục hạm USS Cook hướng hàng không mẫu hạm Midway, tham gia chiến dịch Frequent Wind.

### 2.3. Kế hoạch bí mật, không cho công nhân con tàu.

Chiến dịch Frequent Wind do ông Richard L. Armitage phụ trách. Ông nguyên là một sĩ quan HQ/HK, lúc đó là đặc phái viên của Bộ QP/HK, thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch di tản những chiến hạm của HQ/VNCH, công thức là gửi công nhân những chiến hạm và kỹ thuật công nghệ được trang bị trên những chiến hạm đó. Nếu không gửi công nhân được thì phá hủy, để không bị lọt vào tay CSBV làm chiến lợi phẩm. Nhiệm vụ chính của ông Armitage là công nhân con tàu, không để lọt vào tay VC.

Khu trục hạm USS Kirk cùng thủy thủ đoàn 200 người, được lệnh đến đảo Côn Sơn, là nơi được chọn để tập trung tàu bè và người di tản tại đó.

Một vài tuần trước ngày 30-4-1975, ông Armitage đã có một buổi văn phòng của người bạn thân là Đại tá Kim, Tư lệnh phó HQ/VNCH. Hai người lập kế hoạch gửi công nhân những chiến hạm của HQ/VNCH.

Đại tá Kim cho ông Armitage biết rằng, muốn đưa những con tàu rời VN, thì phải có thủy thủ đoàn, những thủy thủ VN sẽ không đi, nếu gia đình của họ không được đi theo. Kế hoạch của họ thoát những con tàu đưa đến việc di tản người lính nước Cộng Sản. Ông Armitage không báo cáo với thủy thủ công nhân vì lo ngại chính quyền Mỹ có thể không gửi công nhân.



Richard Armitage, ân nhân của gần 30 ngàn người Việt Nam trong cuộc cứu mạng cuối tháng 4-1975

Cả hai ông, đồng tá Kim và Armitage không chắc liệu ông có con số người di tản là bao nhiêu.

#### 2.4. Chiếm hòm USS Kirk bắt đầu tiếp nhận trực thăng di tản

Tối sáng sớm ngày 29-4-1975, USS Kirk loan báo, có mặt sẵn đáp dành cho trực thăng trên boong, nhưng suốt buổi sáng không có trực thăng nào đến cả. Mãi đến xế chiều, một trực thăng UH-1 của KQ/VNCH đến theo 16 chiếc UH-1, 1 chiếc CH-47 Chinook không lái với 2 chong chóng và 1 chiếc vũ trang Cobra, cùng với 200 người di tản đã có mặt trên chiếc Kirk. Trong số UH-1, có 1 chiếc của Air America, là hãng hàng không của CIA.

#### 2.5. Hòn đảo Côn Sơn

Ngày 1-5-1975, chiếc Kirk đã có mặt ở Côn Sơn tối hôm sáng. Đã có 30 tàu HQ/VNCH, hàng chục tàu đánh cá và tàu chèo hàng, đầy khòm nhòm người tản nấn nhá khu tập trung này.

Ông Kent Chipman, một người thợ máy, lúc đó 21 tuổi, thuật lại: “Nhưng con tàu nhè nhét đầy người, tôi không thể xem bên dưới lòng tàu, nhưng trên boong tàu thì chết chóc, người san sát nhau”.

Một tài liệu lịch sử cho rằng có khoảng 30,000 người.

Một số tàu không còn chèo được, nên họ cùng lôi kéo nhau đi. Một chiếc quá khòm nên đang

chìm. Nhi u ng i trên tàu nh y xu ng bi n. M t trung úy HQ/VNCH n l c giúp hành khách r i kh i chi c tàu đang chìm. Hành khách đ c chuy n sang tàu k bên b ng m t t m ván g h p. C nh h n lo n x y ra.

M t ng i đàn ông ra tay đánh ngã m t ph n phía tr c anh ta, cô b r i xu ng bi n, và đ c c u v t.

“Ng i trung úy VN không h l ng l , anh ta đ n ngay sau anh chàng đó, rút súng b n m t phát vào đ u gi t ch t anh ta, r i đá xác qua m t bên, ti p t c c u ng i. Cú b n th t kinh hoàng, nh ng ng n ch n đ c h n lo n”. Ông Stephen Burwinkel, ng i y tá trên chi c Kirk thu t l i nh th .

## 2.6. Các chi n h m H i quân Vi t Nam C ng Hòa t gi i gi i.

Đ n th ba, ngày 6-5-1975, toàn th h m đ i di t n c a HQ/VNCH g n đ n c ng Subic (Philippines).

L nh ban ra: “T t c nh ng chi n h m ph i t gi i gi i hoàn toàn”. Tàu chi n M cho nh ng Cano c p vào nh ng chi c tàu n y đ h t h t súng ng, đ n đ c.

Trên đ ng đi, th y th và y tá M cung c p n c u ng, th c ăn, thu c men và khám b nh cho ng i t n.

Trên đ i đ ng, h i ph n qu c t , chi c tàu nào đ ng ký qu c gia nào, mang c n c nào, thì đ c xem nh là lãnh th c a qu c gia đó. Vì th , m t đ a tr đ c sinh ra trên tàu, thì có quy n xin đ c mang qu c t ch c a qu c gia c a chi c tàu.

Qua 6 ngày trên bi n, trong 30,000 ng i t n, đã có 3 ng i thi t m ng và đ c th y táng, vì Philippines không cho phép mang xác ch t lên n c h .

Khi đoàn tàu đ n g n Philippines thì thuy n tr ng chi c Kirk, nh n đ c m t tin không t t l ành gì. Đó là chính ph c a T ng th ng Ferdinand Marcos e ng i r ng s hi n di n c a tàu HQ/VNCH có th gây khó khăn v ngo i giao c a h , đ i v i chính quy n CSVN. H m tr ng Jacobs c a chi c Kirk k i: “Chính ph Philippines không cho phép chúng tôi vào c ng Subic và đ ngh nh ng con tàu nên tr v Vi t Nam”.

Đ i tá Đ Ki m và ông Armitage đ a ra m t gi i pháp bu c T ng th ng Ferdinand Marcos ph i ch p nh n. Đó là c VNCH đ c h xu ng và tr ng c M lên, ch ng t nh ng con tàu n y là c a Hoa K .

Mà th t, nh ng con tàu n y là c a HK. C s lý lu n là, trong chi n tranh, tàu HK đ c trao cho VNCH nh là m t kho n cho m n đ ch ng C ng S n, nh ng bây gi chi n tranh k t thúc, HK thu h i nh ng chi c tàu n y tr i. Th là m t cu c tìm ki m khó khăn, làm sao có đ 30 lá c M trong lúc ì trên m t bi n.

Bu i i h c chính th c.

Hàng ch c ngàn ng i VN trên các con tàu b t đ u hát qu c ca. C VNCH h xu ng trong nh ng ti ng b t khóc. Khóc. Và khóc... Ch a bao gi có m t bu i i h c đ y xúc đ ng đ n nh th .

Lãnh th VNCH cu i cùng đã m t th t s . Cái đau g m nh m khôn nguôi c a ng i Vi t mi n Nam là m t n c. Nh ng ng i còn i ng tri thì không nên quên n i nh c đó.

### **3\* Chi n d ch di t n tr s sinh (Operation Babylift)**

#### **3.1. Chi n d ch**

Tháng 4 năm 1975, mi n Nam đang s p đ d i s t n công c a C ng S n B c Vi t, T ng

th ng Gerald Ford ra l nh cho th c hi n chi n d ch di t n đ c u tr “m côi”, cho r ng, có th VC s không n ng tay, vì m t s là con lai M .

Hoàn c nh bu c ph i di t n tr th .

Nh ng tr mang tên là tr “m côi”, th t ra là đã có cha ho c m còng s ng, nh ng vì hoàn c nh nào đó, h đã t b các em, đ a vào cô nhi vi n, mang tên tr m côi.

M t s nh ng ng i chăm sóc các em là nh ng ng i ngo i qu c vào VN làm công tác thi n nguy n cho các nhà th và các t ch c t thi n n c ngo ài. H ph i r i VN. Trong hoàn c nh vô c ng h n đ n c a nh ng ngày g n cu i tháng 4 năm 1975, hàng ch c ngàn gia đình VN đang ch di t n. Tr m côi cũng không th b b r i trong hoàn c nh h n đ n đó đ c. Nh ng ng i thi n nguy n HK đã n l c v n đ ng, đ a các em ra kh i VN đ ti p t c đ c chăm sóc và nuôi d ng. Các em đã b cha m b m t l n r i, không th b b l n th hai, cho nên vi c di t n tr m côi là đ y lòng nhân đ o.

M t đ i n hình là bà Betty Tisdale, đã n l c ch y đ n ch y đáo đ hoàn thành th t c làm h s xu t c nh cho 219 tr s sinh r i VN. Bà Tisdale thu t l i: “Tôi ch y đ n b nh vi n Nhi đ ng, xin 225 m u gi y khai sanh, r i đ i n vào ngày gi và n i sanh m t cách nhanh chóng. Tôi hoàn toàn không bi t nh ng em bé n y là con c a ai, sinh ra lúc nào, n i nào. Nh ng ngón tay c a tôi c vi t đ i đ t o ra nh ng b n khai sanh. Tôi t c t c đ n g p đ i s Graham Martin xin ph ng ti n di t n cho các em. Đ i s b ng lòng v i đ i u ki n các th t c gi y t ph i đ c chính ph VN ch p thu n.”

Ông Edward Daly, ch t ch World Aiways đang có m t VN, trong lúc đó, thì con gái c a ông là m t thi n nguy n viên đang Colorado, đánh đ i n xin ông giúp đ cho tr m côi đ c ra đi.

Chi n d ch Babylift đ c th c hi n trong 3 tu n l , t ngày 2-4-1975 đ n ngày 26-4-1975. T ng c ng có 26 chuy n bay, đã đ a 2,548 tr m côi đ n Hoa K . Sau đó, các em đ c các gia đình M nh n làm con nuôi.

### 3.2. B t đ u b ng tang tóc

Chi c Lockheed Martin C-5A Galaxy, đ c xem là phi c v n t i l n nh t th gi i, đã t ng ch xe tăng và c u quân s n ng 70 t n, t c n c không quân Clark (Philippines) đ c phái đ n Sài Gòn, trong nhi m v di t n tr th , b t đ u t ngày 4-4-1975.

Ngày 4-4-1975, lúc 4:15 chi u, sau khi 328 tr em và ng i l n, trong đó có nhân viên s quán M và nhi u nhân viên c a các đ n v M , đ c đ a lên máy bay. Chi c C-5 b t đ u r i đ ng băng.

Kho ng 12 phút sau, cách phi tr ng Tân S n Nh t 64km, thì m t bi n c x y ra. C a sau, n m d i b ng phi c , là n i đ a hành lý lên tàu, đã bung ra và b th i bay m t. Hành khách b xô ngã, nhi u ng i b th ng.

M t nhân viên phi hành ng i g n c a b hút bay ra kh i phi c . Nh ng ng i còn l i b t tnh do thi u d ng khí. Hai phi công chính và ph không còn đ i u khi n đ c phi c , nên quy t đ nh tr l i Sài Gòn.

C-5 không ph i là phi c ch hành khách, cho nên nh ng m t n ti p d ng khí không đ c thi t k cho tr em, vì th , các em đ c b lên cao đ g n m t n d ng khí vào. Linda Adam, m t y tá quân y k l i nh th .

Khi còn cách Sài Gòn 5km, phi c m t đ cao, lao mình m m xu ng cánh đ ng lúa ng p n c, đ ng ph i con đê, gãy làm 4 khúc, và bình xăng phát cháy.

Trên cánh đ ng lúa thu c khu v c Cát Lái, c nh tang tóc v i nh ng xác ng i n m v ng vãi trên bùn đ t.

153 ng i thi t m ng, trong đó có: 98 tr em. 34 nhân viên b QP/HK. 5 dân s . 11 nhân viên KQ/HK. Và nh ng y tá c a nhi u qu c gia. 175 ng i s ng sót.



Có nhiều người thuyết về lý do xảy ra tại này: cho rằng bị phá hoại do những người thân Công nhân phá kế hoạch di tản trên thuyền, do lỗi thiết kế của công ty Lockheed, và cho rằng phi cơ không được bố trí chu đáo.

Người chỉ huy của máy bay thả thiết mìn, đưa di tản cho các nạn nhân, đâm độn kiện tố tụng, đòi công ty Lockheed bồi thường 200 triệu USD. Việc đi tra độn tố tụng hành, và cho mãi tới năm 1990 vẫn chưa có kết quả.

#### 4\* Những di sản của chiến dịch Babylift

##### 4.1. Không có hồ sơ lý lịch cá nhân

Ngày 5-4-1976, tờ Time cho biết, nhiều trẻ em hoàn toàn không có hồ sơ về lý lịch cá nhân, đó là những con người không có họ và tên, không có giấy tờ chứng minh ngày và nơi sinh, quố c tịch... cho nên không thể hiện hồ sơ con nuôi.

Các di trú và nhập tịch cho biết, có 1,671 em nhập tịch, và 353 không nhập tịch.

##### 4.2. Bị kích gia đình

Nhiều trẻ nhập tịch đau lòng khó xảy ra.

- Bà Hà Thị Võ. Người tiếp nhận đưa 3 đứa con đi theo chương trình Babylift, khi đến Mỹ, đứa đứa lớn kiện, khi nhận ra đứa con út 3 tuổi thì mất gia đình nhận con nuôi, bà đòi con lại. Cậu bé không nhận bà, khi nhận cho nhà chức trách bác bỏ yêu cầu của bà.

- Bà Doãn Thị Hoàng An. Bà An ở bang Montana, nhận mình là mẹ ruột của cậu bé Ben, 4

tuổi, được c và ch ng Johnny và Bonnie Nelson nhận làm con nuôi t ch ng trình Babylift.

Khi ra tòa, c u bé Ben không nhận bà Hoàng An, không có ph n ng tr c nh ng c ch tr u m n và th ng yêu c a bà Hoàng An, dù v y, tòa phán quy t c u Ben thu c v bà m Việt Nam.

Th là v ch ng Nelson tiếp t c đ a đ n ki n lên tòa th ng th m.

## 5\* Tr v c h ng

### 5.1. Tr m côi tr v Việt Nam trong vai trung tá M

Cô Kimberly Mitchell có chuy n v Việt Nam trong vai m t trung tá M .

Gi n 40 năm sau khi đ c m t trung sĩ M , thu c KQ/HK và v ông, nhận làm con nuôi năm 1972, cô Mitchell đ c bi t là m t tr s sinh mang s 899, b b r i t i cô nhi vi n Thánh Tâm, Đà N ng.

Trung tá Mitchell hi n là Phó giám đ c văn phòng Tr giúp Quân nhân và Thân nhân t i B QP/HK, cho bi t: “Tôi mu n c g ng n i k t l i v i quá kh còn ch a bi t c a mình.” Trung tá Mitchell đã thăm Sài Gòn và Đà N ng trong chuy n đi m t tu n l v VN.

Chuy n thăm t i tr i m côi Thánh Tâm, nay là m t tu vi n, đ c coi là ph n xúc đ ng nh t c a chuy n đi. T i tu vi n, Mitchell g p “S” Mary, là ng i đã t ng làm vi c trong th i gian tiếp nhận em bé s 899 vào cô nhi vi n. “S Mary cho bi t, cái tên mà h đ t cho tôi là Tr n Th Ng c Bích, nghĩa là viên ng c quý. Đây là chuy n thăm c a m t đ i ng i, nghĩa là m t l n duy nh t. Tôi ch c ch n s không ch 40 năm n a đ quay tr l i”, Mitchell thu t l i.

## 5.2. Phim Ngồi con gái Đà Nẵng (The daughter from Da Nang)

Phim tài liệu The daughter from Da Nang đã được đề nghị lãnh giải Oscar và là phim tài liệu. Phim đã chiễm nhiệu giải thưởng trong các Đ&#228;i Hội Đ&#228;n Quốc (Film Festival) Hoa Kỳ năm 2002: Sundane Film Festival, San Francisco International, Ojai Film Festival, Durango, Colorado, Texas, New Jersey International, Nashville, Cleveland.

### Nội dung phim

Vào nh&#228;ng ngày sau cùng của cuộc chiến VN, chính phủ Gerald Ford đã bỏ ra 2 triệu USD để mua chiến dịch Babylift. Gần 3,000 trẻ mồ côi từ VN sang Hoa Kỳ, Canada, Pháp và Úc để làm con nuôi.

Cuộc di tản bắt đầu bằng một tai nạn kinh hoàng làm chết hàng trăm trẻ em.

Cuốn phim xoay chung quanh cuộc đời của Heidi Bub và trong chuyến đi tìm mẹ ruột sau 22 năm.

Heidi Bub sinh năm 1968 tại Đà Nẵng, con của bà Mai Thị Kim và một quân nhân Hoa Kỳ. Chị ng bà Kim là Đ&#228; Hộu Vinh, t&#228; năm 1964, đã bỏ vợ và 3 con ở lại Đà Nẵng, nh&#228;y núi theo Việt Cộng chị ng M&#228;.

Bà Kim vào làm công nhân trong căn cứ M&#228; Đà Nẵng. Ở đó, bà được một ông lính Mỹ rời sanh ra Mai Thị Hiệp (Heidi). Khi VC đánh vào Đà Nẵng, vì sợ con lại M&#228; b&#228; VC kh&#228;ng b&#228;, nên bà đưa con vào Hội Cha Mẹ Nuôi lúc Heidi 6 tu&#228;i.

Khi sang M&#228;, Mai Thị Hiệp được bà Ann Neville, một phụ nữ đức thân, khoa tr&#228;ng ở một tr&#228;ng đ&#228;i hộc, nhận làm con nuôi, tên là Heidi Bub.

Chiến dịch Babylift.

Bà Ann Neville sinh sống ở bang Tennessee, thánh địa của kẻ thù chống lại Klu Klax Klan. Bà che giấu người bạn gái và cố gắng làm cho Heidi giống 101% như mẹ đẻ bỏ vào con.

Vào một chiều, Heidi không hiểu vì sao, nhưng tình cảm giữa hai mẹ con rất khô khan lạnh lùng, hiểu nhau hơn những bạn bè cùng tình huống mẹ con. Bà Ann quá nghiêm khắc. Cuộc sống cùng, bà đưa Heidi ra khỏi nhà mà không giải thích lý do.

Lúc 6 tuổi, Heidi từng nghĩ rằng mình không ngoan nên bị mẹ ruồng bỏ. Lúc 22 tuổi, cô có một cảm giác, có lẽ mình quá tốt hơn nên đã bị mẹ tống hai đứa.

Năm 22 tuổi, Heidi bắt đầu tìm mẹ ruột. Trong lúc đó, ở VN, bà Mai Thị Kim cũng ra sức tìm kiếm đứa con.

Năm 1991, mẹ con bắt liên lạc được, qua một nhân viên của siêu quán HK. Heidi bắt đầu học tiếng Việt.

Năm 1997, ký giả Trần Thế Ngọc Nhật, người ở VN đưa tin mà Heidi tiếp xúc tại Mỹ. Trần Thế Ngọc Nhật giúp Heidi trong chuyến về VN gặp lại mẹ ruột.

Tiếp theo là phi trình Đà Nẵng, Heidi gặp lại mẹ ruột và các anh chị cùng mẹ khác cha. Tiếp theo là những chuyến đi, những bạn bè của mẹ đẻ gia đình, việc thăm hàng xóm, đi chợ...

Chỉ vài ngày sau, Heidi cảm thấy khó chịu, bất ổn vì khác biệt văn hóa. Biên giới riêng tư của mình bị xâm phạm.

Bà Kim muộn màng chung sống với Heidi để tâm sự suốt đêm, không muộn rời con, nhưng đi

vì Heidi thì đó là một cuộc trốn công, lẩn át không gian cá nhân. Heidi không có thì giờ để suy nghĩ về những sự việc quá mới, quá xa lạ đối với mình.

Heidi thoát sự bóc lột khi các anh chị cho riêng cô có bản quyền phụ cấp cùng cấp tiền bạc và làm đơn báo lãnh cho gia đình sang Mỹ.

Heidi nghĩ riêng cô bóc lột và bóc lột đi đàng, nên đã đi vé máy bay về Mỹ sớm hơn lịch trình định định.

Khi về định Mỹ, cô nhận định các anh chị khác cha, chị yêu vốn là tiền bạc và báo lãnh. Cô cảm thấy không thoải mái trong đời sống mới.

### 6.1. Quê hương là chòm khế ngọt

Ngay từ những Công Sản nhận định những đã mở rộng vòng tay cứu giúp và cứu mang mình là quê hương thế hai. Quê hương này, cách là Hoa Kỳ, đã trợ giúp tài chánh bước đầu xây dựng cuộc sống mới. Con cái những từ những có nền giáo dục rất tiên tiến, và nhận là định những đã cho người từ những mới đi sống bình đẳng với những bản xứ, nhân quyền định tôn trọng.

Sống ở quê hương thế hai, nhiều người cho đó là niềm tin cậy, nên không bao giờ quên quê hương mà mình định sinh ra. Quê thế đó là chòm khế ngọt. Quê hương VN cách là 84 triệu đồng bào cứu mình trong nước. (Không kể 3 triệu đồng viên CSVN)

Có hai quan niệm và hình thức phục vụ quê hương. Đó là đấu tranh đòi tự do, dân chủ và nhân quyền cho đồng bào trong nước, và một hình thức khác là về nước, phục vụ đồng CSVN góp phần xây dựng quê hương.

### 6.2. Trí thức Việt kiều về kết quả hai lẩn trốn

Ngày chạy trốn chế độ cứu tài CS bước đi trốn, vượt biên, vượt biển, những từ những về VC chế từ

b i. Tôi xin trích nguyên văn l i c a tác gi T ng Ph c Hi n nh sau:

Trích nguyên văn. “C ng S n xem nh ng ng i v t biên, v t bi n ch y tr n chúng là b n ph n qu c, ph n đ ng, là c n bã, b n ăn bám, vong b n, l i bi ng...” (h t trích)

Th r i Ngh Quy t 36 c a đ ng CSVN ra đ i. Ng i trí th c t n n đ c hoan nghênh khi tr v thành Vi t Ki u Yêu N c. Nh ng trí th c Vi t Ki u Yêu N c n y l i b m t l n đ n th hai, cũng không kém n ng n nh ng l i ch i b i c a Vi t C ng tr c kia.

Ph c v quê h ng là không có đ i u ki n. T ng th ng Kennedy có nói m t câu đ i ý nh sau, ta không nên đòi h i t qu c ph i làm gì cho ta, mà t h i, ta ph i làm làm gì cho t qu c. M t v trí th c v n c góp ph n xây đ ng quê h ng, ch a làm đ c gì mà xin đ c mua nhà VN. Su t m y năm không đ c đáp ng, bèn than phi n n y n lung tung, khi n cho trí th c chân chính trong n c xem th ng ra m t.

### 6.3. Câu chuy n m t quy n t n n c a m t Vi t ki u Pháp

Bài vi t c a ký gi Xuân Mai trên báo áp phê s 4 t i Paris nh sau:

“Ông Nguy n Văn Tuy n, 59 tu i đ n đ nh c t i Pháp năm 1980. V i lá đ n th ng thi t nh sau: “N u tôi l i, nhà c m quy n CSVN s b t giam, đánh đ p và b tù không có ngày ra. Vì lý do nhân đ o, tôi tr n th nh c u n c Pháp, vui lòng ch p thu n cho tôi đ c t n n chính tr , s ng t m dung trên m nh đ t t do n y, và tôi ch tr v quê cũ khi nào quê h ng tôi không còn ch đ đ c tài C ng S n.”. Nh ng ông Tuy n đã ph n b i t cách t n n c a ông đ n 7 l n t năm 1995 đ n năm 2000. (Theo tài li u c a OFPRA=Office Francais de Protection des Réfugiés et Apride-C quan B o v Ng i T n n và Vô T qu c). Ngày 27-6-2000, ông Tuy n và 544 Vi t ki u Pháp b OFPRA g i th thông báo rút l i th t n n, v i lý do tr v quê cũ khi còn ch đ đ c tài C ng S n.

“Chi u theo đ i u 1, kho n 2A c a Hi p Đ nh Genève ngày 28-7-1951, chúng tôi thu h i th t n n. Đ ng th i cũng tr n lên Cao y T N n LHQ, k t nay, OFPRA không còn ch u trách

nhim v i ông, v tình tr ng c trú, xin vic làm, h ng tr c p xã h i theo di n ng i t n n chính tr ”.

Đ c bi t, t năm 1988 đ n năm 2000, t ng s ng i Vi t Pháp b tru t b quy n t n n và quy n l i, v i con s là 22,417.

Bài vi t ghi nh sau: “Chính ph Vi t C ng qua các đ i s t Võ Văn Sung, Mai Văn B , Tr nh Ng c Thái đ n Nguy n Chi n Th ng đã coi ng i Vi t Nam là thành ph n c c k ph n đ ng, c n ph i tri t h , ho c áp đ ng chính sách g y ông đ p l ng ông. Đó là, đ gi i trong vic c p chi u khán cho h , đ h b OFPRA c t quy n t n n và tr c p xã h i. Sau khi c p chi u khán, tòa đ i s thông báo danh sách cho B N i v Pháp bi t tên h c a nh ng ng i vi ph m lu t t n n. M t khi m t th t n n, thì m t luôn th th ng trú (Carte de Séjour) nên không xin đ c vic làm. Tr ng h p đó, mu n s ng Pháp trên 3 năm, thì ph i có Passport c a chính ph CSVN, đ tr thành công dân Vi t C ng cho đ n m n ki p.

Cái thâm đ c c a VC là nh th .

Vi t C ng nhìn con ng i b n ch t. M t b n ch t b cho là “Ph n đ ng, ph n qu c, c n bã...” thì khó g t r a đ c. N u không có ti n g i v hàng t đô la m i năm, thì cái b n ch t đó v n t n t i trong đ u óc c a VC. Khúc ru t th a ngàn đ m v n luôn luôn là nh th .

Có nh ng câu h i cho “trí th c Vi t Ki u Yêu n c”:

- Quý v v ph c v quê h ng v i thân ph n nào đây?

- Quý v có đ c đ i x bình đ ng v i ng i dân trong n c không? T i sao, ng i dân đ c t do mua nhà, còn quý v thì không?

- Có ai đ c gi c qu n lý, nh tr ng toán, tr ng phòng, tr ng ban hay giám đ c không? Quý v ch là nh ng ng i th a hành đ i quy n sai b o c a cán b đ ng viên Vi t C ng mà

thoi.

- Quý v có đ c t do phát bi u ý ki n riêng c a mình không? Có đ c quy n binh v c cho công lý, công b ng, l ph i, s th t hay không? Khi th y nh ng c nh b t công, đàn áp đánh đ p ng i yêu n c... quý v có dám đ ng v phía đ ng bào c a mình không? N u không, thì quý v có th b xem nh a tòng v i t i ph m.

HQ. 500 đ a ng i di-t n ra kh i Sài-Gòn.

- V n c ph c v quê h ng mà không dám đ ng v phía công lý, l ph i c a đ ng bào mình, thì l ng tâm quý v ra sao? H i, t c là tr l i v y.

## 7\* K t

Ngày 30 tháng 4 m ra m t trang s đau bu n c a dân t c. Trí th c Vi t Ki u nên đ ng tâm hi p l c v i trí th c chân chính trong n c, đ đòi l i nh ng quy n công dân và quy n con ng i mà dân t c 84 tri u ng i Vi t Nam x ng đáng đ c h ng th k 21 n y. Đó là cách ph c v dân t c đúng đ n.

Trí th c trong n c r t kiên c ng, b t khu t, đã can đ m đòi t do dân ch cho đ ng bào c a mình, thì trí th c Vi t Ki u không nên “Áo g m v làng”, phát bi u linh tinh vô t ch c đ đ c nh n b ng khen ho c xin đ c mua nhà...

T m g ng c a nh ng trí th c chân chính trong n c nh : Nguy n Quang A, Nguy n Xuân Di n, Lê Đăng Doanh, Tr n Vũ H i, Nguy n Hu Chi, Hoàng T y, Chu H o, Lê Hi u Đ ng trong vi c đòi t do, dân ch và nhân quy n cho dân t c Vi t Nam, c n đ c n theo.

Làm ng i, nh t là trí th c, thành ph n u tú c a dân t c, ph i nên có t cách t i thi u đ có th ng a m t nhìn thiên h , trong cng nh ngo i n c.